

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN P**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bé M**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Lê Thanh V**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Trường Phú, xã Trường Long, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: 304 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn – bà Lê Thị Bé M trình bày:* bà và ông Lê Thanh V kết hôn vào năm 1995 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông V không chung thủy, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông V không thay đổi. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông V và không thể tiếp tục cùng chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết

cho bà được ly hôn. Về con chung, bà và ông V có 02 người con chung là Lê Thị Ái T (nữ) sinh ngày 16/11/1995 và Lê Thanh T1 (nam) sinh ngày 22/9/2005, các con chung đã trưởng thành. Bà và ông V không có tài sản chung, nợ chung.

*Bị đơn - ông Lê Thanh V trình bày:* ông xác định vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Ông bà có 02 người con chung Lê Thị Ái T (nữ) sinh ngày 16/11/1995 và Lê Thanh T1 (nam) sinh ngày 22/9/2005 đều đã trưởng thành. Về tài sản chung: ông không tranh chấp, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Lê Thị Bé M và ông Lê Thanh V xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 316 ngày 17/9/2001 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị Bé M và ông Lê Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M trình bày do ông V không chung thủy, hiện nay mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Nguyên đơn có yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[4] Về con chung: ông V, bà M có 02 người con chung là Lê Thị Ái T (nữ) sinh ngày 16/11/1995 và Lê Thanh T1 (nam) sinh ngày 22/9/2005 đều đã thành niên.

[5] Về tài sản chung, đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày không có nợ chung.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bé M với ông Lê Thanh V.

- *Về con chung*: Lê Thị Ái T (nữ) sinh ngày 16/11/1995 và Lê Thanh T1 (nam) sinh ngày 22/9/2005 đều đã thành niên.

- *Về tài sản chung*: chưa xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà M nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0006147 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b).

***Liêng Thị Hồng Hoa***